

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018**

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai

Phường Cống Vị, Quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
THÔNG TIN CHUNG	1
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	2
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	3 - 10
BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	11 - 12
BÁO CÁO SOÁT XÉT BCTC GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 14
BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ	15
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	16 - 17
BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ	18
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ	19 - 20
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	21
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	22 - 48

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG**QUỸ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 477.758.126.100 VND, tương đương với 47.775.812,61 chứng chỉ Quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ Quỹ).

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 09 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006 với tên gọi là Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại cổ phần ("TMCP") Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital (Quỹ) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ đã điều hành Quỹ trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé

Chủ tịch

Ông Lương Văn Trung

Thành viên

Ông Đoàn Phong Quang

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 01 năm 2018)

Bà Lê Hoàng Yến

Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ, tình hình đầu tư giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Lê Văn Bé
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 08 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

on 2

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai

Phường Cống Vị, Quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ****1.1 Mục tiêu**

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 0.18 % so với giá trị đầu năm.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ*Chiến lược đầu tư*

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề sau (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này) với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng |
| - Thực phẩm - Nước giải khát | - Bảo hiểm |
| - Vật liệu - Khai khoáng | - Hàng hóa công nghiệp |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản | - Dược phẩm |
| - Tiện ích công cộng | - Vận tải |
| - Năng lượng | - Dịch vụ |
| - Bán lẻ | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng |

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ đầu tư giá trị MB Capital là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Giá trị tài sản ròng của Quỹ là 684.223.528.603 VND, tương đương với 47.775.812,61 chứng chỉ Quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai

Phường Cống Vị, Quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ:

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 %	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 %	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 %
Danh mục chứng khoán	80,19%	51,56%	55,79%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	17,15%	48,29%	43,38%
Các tài sản khác	2,66%	0,15%	0,83%
	100,00%	100,00%	100,00%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	684.223.528.603	329.752.704.884	87.071.134.176
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	47.775.812,61	24.867.806,46	7.473.899,94
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	14.322	13.260	11.650
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.758	13.260	11.650
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	13.916	12.152	10.478
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	0,18%	7,05%	6,38%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-20.82%	-12.43%	48,54%

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,97%	2,29%	3,21%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	49,13%	54,91%	81,46%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	8,01%	8,01%
3 năm đến thời điểm báo cáo	42,46%	12,92%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	50,22%	11,00%

2.4 Tăng trưởng hàng kỳ

	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	0,18%	7,05%	6,38%

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP 6 tháng đầu năm 2018 tăng 7,08%. Khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng mạnh nhất. Trong khi đó khu vực nông nghiệp cũng có sự tăng trưởng khá tốt so với cùng kỳ 2017.

Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng 2018 tăng 1.35% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. CPI tăng 3.29% so với cùng kỳ do giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ giáo dục và giá nhiên liệu tăng mạnh.

Tổng cục Hải quan thông báo, tổng trị giá xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt gần 113,93 tỷ USD, tăng 16% và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 111,22 tỷ USD, tăng 10%, xuất siêu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018 đạt 2,71 tỷ USD, bằng xấp xỉ 2,37% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Kể từ đầu năm 2018, tỷ giá tự do VND/USD giao dịch ổn định tới nửa đầu tháng 2, và sau đó bắt đầu xu hướng tăng đều và đạt mức 22,820 VND/USD tính đến ngày 28 tháng 3 năm 2018. Trong khi đó, tỷ giá liên ngân hàng có xu hướng đi ngang trong suốt nửa cuối năm 2017 và nửa đầu năm 2018 nhờ lượng dự trữ ngoại hối đạt mức 63.5 tỷ USD. Tuy nhiên, gần đây, đặc biệt vào giai đoạn trong tháng 6, những biến động mạnh do căng thẳng thương mại quốc tế đã đẩy tỷ giá vượt mức đỉnh của năm 2017, chạm mức 22,990 VND/USD tại ngày 29 tháng 6.

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tính hết 6 tháng đầu năm 2018, chỉ số VN Index giảm 2,38%, chỉ số HNX Index giảm 9,15%, chỉ số VN30 giảm 2,86%. Thanh khoản của thị trường cũng giảm trong quý II năm 2018, sàn HOSE giảm 4.78% về khối lượng so với cùng kỳ 2017. Trên sàn HNX index, thanh khoản cũng giảm 11,96% so với năm trước. Nhóm các cổ phiếu phân theo quy mô vốn hóa thị trường tiếp tục phân hóa mạnh. Tính từ thời điểm đầu năm, nhóm VN30, LargeCap và MidCap có hiệu suất lần lượt là -4,6%, -5,5% và -6,9% trong khi nhóm SmallCap và Penny có hiệu suất âm lần lượt là -8,6% và -5,8%.

Trong 2 quý đầu năm, khối ngoại đã mua ròng trên HOSE 416 triệu cổ phiếu, ứng với ròng 35.600 tỷ VND và bán ròng 34,5 triệu cổ phiếu trên HNX, giá trị 1.039 tỷ VND.

6 tháng đầu năm 2018 Thị trường chứng khoán cũng chứng kiến dòng tiền biến động rất mạnh ở các cổ phiếu trụ nhóm VN30 và một vài cổ phiếu vốn hóa lớn ngành Bất động sản, ngân hàng và bán lẻ. Trạng thái tâm hưng phấn trong quý I đã đẩy mức định giá của thị trường lên rất cao và khi tâm lý lo ngại do bắt đầu xuất hiện một số rủi ro trong quý II đã tạo ra những phiên tăng giảm mạnh tại những mã cổ phiếu trụ. Sự lan tỏa tiêu cực này cũng ảnh hưởng lớn tới nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ bởi các nhóm này giảm điểm với hiệu suất khá cao trong quý II khi dòng tiền bắt đầu rút khỏi đa số các mã vốn hóa lớn trên thị trường.

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	40,90%	19,92%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	26,57%	10,08%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	8,01%	42,46%
Tăng trưởng hàng kỳ (%) / 1 đơn vị CCQ	8,01%	12,92%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai

Phường Cống Vị, Quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	684.223.528.603	329.752.704.884	107,50%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.322	13.260	8,01%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ Quỹ năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	265	464.899,14	0,97%
Từ 5.000 đến 10.000	128	918.743,96	1,92%
Từ 10.000 đến 50.000	328	7.950.345,40	16,64%
Từ 50.000 đến 500.000	190	24.662.131,25	51,62%
Trên 500.000	15	13.779.692,86	28,84%
	926	47.775.812,61	100,00%

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong quý III, tăng trưởng GDP dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước, tuy nhiên cho cả năm 2018 khả năng đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,7% của Quốc hội đề ra là khả thi. Điểm cần lưu ý là GDP quý I và II 2018 sở dĩ tăng trưởng cao so với cùng kỳ là do có phần đóng góp lớn từ điểm rơi ghi nhận tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của hai doanh nghiệp FDI lớn là Samsung và Formosa. Do vậy, tốc độ tăng trưởng cao trong 6 tháng đầu năm nay là diễn biến tích cực nhưng nó không hàm ý tăng trưởng sẽ chắc chắn đạt những mức cao hơn thế trong các quý tiếp theo.

Lạm phát có thể tăng vượt mục tiêu đề ra cho cả năm là 4%. Hai nhóm mặt hàng chính tác động tới mức lạm phát của Việt Nam là lương thực và xăng dầu.

Lãi suất cho vay khó giảm và tỷ giá có thể tiếp tục tăng. Tỷ giá USD duy trì xu hướng tăng mạnh từ nửa cuối tháng 6 do chính sách nâng lãi suất của FED lên 0.25% lên mức 1.75%-2.00%. Trong khi đó mặt bằng lãi suất cho vay ít biến động do quá trình xử lý nợ xấu và tái cấu trúc ngành Ngân hàng vẫn còn chậm.

Dự báo thị trường chứng khoán Quý III – 2018

Thị trường chứng khoán hiện đang ở giai đoạn điều chỉnh của nhịp tăng từ đầu năm. Hiện mặt bằng định giá cũng như chỉ số PE của hầu hết các doanh nghiệp và thị trường chung đã không còn quá cao. Trong quý III, VN Index có thể sẽ điều chỉnh tích lũy trong vùng 900 điểm. Dự báo thị trường sẽ tiếp tục giao dịch giằng co và phân hóa mạnh đặc biệt là ở nhóm Bluechips. Dòng tiền vẫn sẽ tiếp tục tập trung vào các cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và hưởng lợi từ xu hướng của kinh tế vĩ mô.

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

6. THÔNG TIN KHÁC

Ban Điều hành Quỹ

Ông Nguyễn Đức Hải

*Phó Tổng Giám đốc Phụ
trách Đầu tư*

Ông Hải có trên 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải làm việc tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11 tháng 2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

Ông Ngô Long Giang

Giám đốc Đầu tư

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại Công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ).

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ông Phan Phương Anh

*Phó Chủ tịch Hội đồng Quản
trị kiêm Tổng Giám đốc*

Ông Phan Phương Anh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB. Trước khi thành lập MB Capital, ông Phan Anh từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quân đội như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO. Ông Phan Anh có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính của trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam)

Ông Nguyễn Đức Hải

*Phó Tổng Giám đốc Phụ
trách Đầu tư*

Ông Hải có hơn 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải là Chuyên viên phân tích tài chính tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11 năm 2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bà Trương Thị Hương Trà

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Hương Trà có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04 năm 2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé là một trong những sáng lập viên của Ngân hàng Quân đội (MB) và nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Ông cũng nguyên là Chủ tịch HĐQT của MB Capital từ năm 2006 đến năm 2012. Với hơn 30 năm kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam, ông Bé đã góp công lớn trong việc xây dựng MB trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

Ông Lương Văn Trung

Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Ông Lương Văn Trung có hơn 19 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ tháng 04 năm 2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

Bà Lê Hoàng Yến

Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP Bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau

- Theo Mục a, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: "Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 14 tháng 02 năm 2018, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ do Quỹ thực hiện tăng khoản đầu tư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"). Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư đáp ứng quy định pháp luật, chậm nhất là ngày 01 tháng 03 năm 2018.

Tại kỳ định giá ngày 22 tháng 02 năm 2018, Công ty quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá tại ngày 28 tháng 02 năm 2018 đến kỳ định giá tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ mục a, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ.

- Theo Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 31 tháng 05 năm 2018 đến kỳ định giá ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư trên tổng giá trị tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chưa khắc phục tình trạng phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Dịch vụ chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám Sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax : (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good

Số: 2110 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 15 đến trang 48, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2018. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần theo báo cáo soát xét đề ngày 10 tháng 8 năm 2017.



Trần Thị Thủy Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CHXHCN
VIỆT NAM

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		3.659.968.945	19.512.494.738
1.1 Cổ tức được chia	02		14.554.348.400	1.976.616.600
1.2 Tiền lãi được nhận	03		8.412.386.492	2.897.827.588
1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	5	18.184.083.650	6.272.073.372
1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	6	(37.490.849.597)	8.365.977.178
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		860.439.089	377.440.333
2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	7	860.439.089	377.440.333
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		5.277.067.779	2.178.376.551
3.1 Phí quản lý Quỹ mở	20.1		4.596.855.311	1.680.550.137
3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	20.2		201.380.778	111.399.948
3.3 Phí dịch vụ giám sát	20.3		121.891.360	99.000.000
3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4		151.850.105	99.000.000
3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	20.5		52.800.000	52.800.000
3.6 Chi phí kiểm toán	20.8		43.638.356	24.001.091
3.7 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ		8	86.651.452	85.960.000
3.8 Chi phí hoạt động khác	20.10	9	22.000.417	25.665.375
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	23		(2.477.537.923)	16.956.677.854
V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC	24		-	-
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	30		(2.477.537.923)	16.956.677.854
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	31		35.013.311.674	8.590.700.676
6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	32		(37.490.849.597)	8.365.977.178
VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	40		-	-
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	41		(2.477.537.923)	16.956.677.854


Người lập



Bà Nguyễn Kim Khánh
 Kế toán

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người phê duyệt



Bà Đoàn Kim Dung
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Phan Phương Anh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. TÀI SẢN				
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	110	10	121.707.245.320	149.077.639.127
1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	111		11.707.245.320	7.077.639.127
1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		110.000.000.000	142.000.000.000
2. Các khoản đầu tư thuần	120	11	583.839.997.873	229.491.388.820
2.1 Các khoản đầu tư	121		583.839.997.873	229.491.388.820
3. Các khoản phải thu	130	12	3.853.772.578	1.123.982.872
3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		3.853.772.578	1.123.982.872
3.1.1 Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận	136		3.853.772.578	1.123.982.872
TỔNG TÀI SẢN	100		709.401.015.771	379.693.010.819
II. NỢ PHẢI TRẢ				
1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	13	155.082.275	1.495.840.400
2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313	14	1.716.382.191	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		51.053.967	-
4. Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	315		-	-
5. Chi phí phải trả	316	15	103.597.260	55.000.000
6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		22.164.900.111	-
7. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	319	16	986.471.364	491.598.824
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	300		25.177.487.168	2.042.439.224
III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	400		684.223.528.603	377.650.571.595
1. Vốn góp của nhà đầu tư	411	17	477.758.126.100	264.169.639.000
1.1 Vốn góp phát hành	412		989.110.072.700	642.086.513.200
1.2 Vốn góp mua lại	413		(511.351.946.600)	(377.916.874.200)
2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư	414		153.313.379.844	57.851.372.013
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420	18	53.152.022.659	55.629.560.582
3.1 Lợi nhuận đã thực hiện			83.343.939.338	48.330.627.664
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện			(30.191.916.679)	7.298.932.918

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430		14.322	14.296
V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	440		4.515.227.682	4.515.227.682
1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		4.515.227.682	4.515.227.682

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: chứng chỉ Quỹ

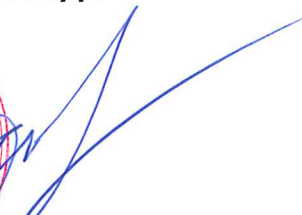
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004		47.775.812,61	26.416.963,90

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Kim Khánh
 Kế toán

Bà Đoàn Kim Dung
 Kế toán Trưởng

Ông Phan Phương Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
 GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
I. Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	377.650.571.595	95.219.987.687
II. Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	(2.477.537.923)	16.956.677.854
<i>Trong đó:</i>		
1. Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	(2.477.537.923)	16.956.677.854
III. Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	309.050.494.931	217.576.039.343
1. Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	501.349.165.056	298.375.060.500
2. Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	192.298.670.125	80.799.021.157
IV. Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	684.223.528.603	329.752.704.884

Người lập


Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt


Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 04g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ (%) /Tổng giá trị tài sản của Quỹ
			VND	VND	
I. Cổ phiếu niêm yết					
1.	Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	749.000	35.600	26.664.400.000	3,76%
2.	CTCP Sông Đà 10 ("SDT")	1.513.600	6.400	9.687.040.000	1,37%
3.	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("VCG")	2.079.700	16.500	34.315.050.000	4,84%
4.	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao ("LAS")	860.600	11.600	9.982.960.000	1,41%
5.	CTCP Phân bón Bình Điền ("BFC")	72.150	27.000	1.948.050.000	0,27%
6.	CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam ("CAV")	900.000	50.000	45.000.000.000	6,34%
7.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("CTG")	1.814.970	24.250	44.013.022.500	6,20%
8.	Tổng Công ty Gas Petrolimex- CTCP ("PGC")	406.882	15.000	6.103.230.000	0,86%
9.	Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam ("GEX")	1.300.000	33.600	43.680.000.000	6,16%
10.	CTCP Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("VCW")	1.500.150	33.000	49.504.950.000	6,98%
11.	CTCP Nhựa Hà Nội ("NHH")	397.000	85.000	33.745.000.000	4,76%
12.	Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - CTCP ("IDC")	536.800	24.000	12.883.200.000	1,82%
13.	Tổng CTCP May Việt Tiến ("VGG")	336.100	56.900	19.124.090.000	2,70%
14.	Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam ("SWC")	1.600.000	13.000	20.800.000.000	2,93%
15.	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP ("POW")	3.025.066	13.100	39.628.364.600	5,58%
16.	CTCP Cơ điện lạnh ("REE")	1.003.230	31.900	32.003.037.000	4,51%
17.	CTCP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà ("SJS")	56.062	20.800	1.166.089.600	0,16%
18.	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("KBC")	2.615.490	11.950	31.255.105.500	4,41%
19.	Tổng Công ty Viglacera - CTCP ("VGC")	1.439.500	20.600	29.653.700.000	4,18%
20.	CTCP PVI ("PVI")	233.000	29.000	6.757.000.000	0,95%
Tổng				497.914.289.200	70,19%

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 04g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

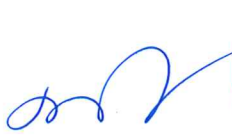
STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ (%) /Tổng giá trị tài sản của Quỹ
			VND	VND	
II. Trái phiếu niêm yết					
1.	Trái phiếu Tổng CT Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP ("KBC11710")	599.240	101.452,67	60.794.496.173	8,57%
2.	Trái phiếu CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va ("NVL11605")	100.000	101.312,13	10.131.212.500	1,43%
	Tổng			70.925.708.673	10,00%
III. Chứng chỉ tiền gửi					
1.	Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng			15.000.000.000	2,11%
	Tổng			15.000.000.000	2,11%
IV. Các tài sản khác					
1.	Cổ tức được nhận			760.625.000	0,11%
2.	Lãi trái phiếu được nhận			980.719.667	0,14%
3.	Lãi tiền gửi được nhận			2.112.427.911	0,30%
	Tổng			3.853.772.578	0,55%
V. Tiền					
1.	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			11.707.245.320	1,65%
2.	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			95.000.000.000	13,39%
3.	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			15.000.000.000	2,11%
	Tổng			121.707.245.320	17,15%
VI. Tổng giá trị các khoản đầu tư				709.401.015.771	100,00%

Người lập



Bà Nguyễn Kim Khánh
 Kế toán

Người phê duyệt



Bà Đoàn Kim Dung
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt




Ông Phan Phương Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B 05g-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

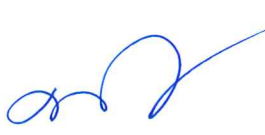
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	01	(511.058.626.500)	(182.302.758.100)
2. Tiền thu từ bán các khoản đầu tư	02	136.064.501.500	77.477.944.300
3. Cổ tức đã nhận	03	13.792.845.588	2.505.550.334
4. Tiền lãi đã thu	04	6.443.221.786	2.706.813.688
5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở	06	(4.732.170.167)	(1.908.302.829)
6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (Phí môi giới, phí chuyển tiền)	08	(862.447.214)	(389.670.694)
7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	09	2.679.450.000	2.459.780.000
8. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	10	(2.680.000.000)	(2.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	20	(360.353.225.007)	(101.910.643.301)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ mở	21	502.836.214.047	298.375.060.500
2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ mở	22	(169.853.382.847)	(80.800.589.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	332.982.831.200	217.574.471.333
III. Tăng/ (giảm) tiền thuần trong kỳ		(27.370.393.807)	115.663.828.032
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		149.077.639.127	43.829.446.298
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		149.077.639.127	43.829.446.298
- Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		149.077.639.127	43.829.446.298
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		121.707.245.320	159.493.274.330
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		121.707.245.320	159.493.274.330
- Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền		121.707.245.320	159.493.274.330
VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(27.370.393.807)	115.663.828.032

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt


Bà Nguyễn Kim Khánh
 Kế toán

Bà Đoàn Kim Dung
 Kế toán Trưởng

Ông Phan Phương Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 06G-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**1.1 Thông tin về Quỹ****Quỹ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận chào bán số 16/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 05 tháng 3 năm 2014 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0104000473 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 9 năm 2006 và theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 07/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 với tên gọi là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 11 năm 2007, Công ty Quản lý Quỹ nhận được chấp thuận của Chủ tịch UBCKNN chuyển thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội với các cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (hiện nay đã chuyển thành Công ty Cổ phần Chứng khoán MB theo giấy phép điều chỉnh số 85/GPDC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07 tháng 5 năm 2012) và ông Phan Phương Anh. Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội chính thức đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB theo Quyết định số 53/UBCK-GP của UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 477.758.126.100 VND, tương đương với 47.775.812,61 chứng chỉ Quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ Quỹ). Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 684.223.528.603 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 377.650.571.595 VND).

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ năm hàng tuần cho các kỳ định giá tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày thứ năm tuần thứ hai và tuần thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch bù này và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phải sinh là giá trị cam kết của hợp đồng:
 - Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời

hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;

- o Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thôn tóm các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Giai đoạn tài chính giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Kỳ hoạt động đầu tiên bắt đầu từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở ngày 25 tháng 4 năm 2014 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183 và Thông tư số 15 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Điều lệ Quỹ như sau:

- Tiền (VND): số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- Tiền gửi có kỳ hạn: là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu:
 - Đối với công cụ trả lãi: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
 - Đối với công cụ không trả lãi:

Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;

Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trũng thầu hoặc một lãi suất khác do ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

- Trái phiếu:
 - Trái phiếu niêm yết:

Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

- Trái phiếu không niêm yết:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

- Cổ phiếu:
 - Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc

- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được ban đại diện quỹ thông qua.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá mua/Giá trị vốn góp; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Chứng khoán phái sinh
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận .
- Các tài sản được phép đầu tư khác: Việc định giá phải được xem xét đối với từng tài sản cụ thể và theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như khoản phải trả mua chứng khoán, phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại ngày trước ngày định giá.

$NAV = \text{Tổng giá trị tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của quỹ.}$

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.

$uNAV = NAV/N$

Trong đó:

uNAV: giá trị đơn vị Quỹ

N: Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.6 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.7 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ và mệnh giá của chứng chỉ Quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích, Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ giám sát và phí lưu ký

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá.

Giá dịch vụ lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng

$$\text{Giá dịch vụ lưu ký tối đa} = 0,05\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:

Giá dịch vụ lưu ký tối đa = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu : 10.000.000 VND/ một tháng không có thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ giám sát tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát tối đa = 0,035% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 15.000.000 VND/ một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như phí Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, giá giao dịch chứng khoán, giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá giao dịch:	135.000 VND/ giao dịch
Giá sửa lệnh:	315.000 VND/ giao dịch
Giá rút hay gửi sổ chứng khoán:	300.000 VND/ giao dịch

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa = 0,045% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VND/ một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá dịch vụ phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá dịch vụ tối thiểu đã thống nhất. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tăng tần suất giao dịch theo quy định tại điểm a mục 1 Điều 15 dẫn tới mức giá cho các dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng tăng lên nhưng vẫn đảm bảo theo khung quy định (nếu có) của luật hiện hành, công ty quản lý quỹ sẽ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản cáo bạch và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ quỹ tại Đại hội thường niên gần nhất.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là 8.000.000 VND/ một tháng; giá dịch vụ giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

4.11 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

4.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06G-QM

5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán cho kỳ này VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán cho kỳ trước VND
Cổ phiếu niêm yết	121.064.501.500	102.880.417.850	18.184.083.650	6.272.073.372
Tổng cộng	121.064.501.500	102.880.417.850	18.184.083.650	6.272.073.372

6. CHÉNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo số sách kế toán VND	Giá trị hợp lý không bao gồm lãi chưa thanh toán VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho kỳ này VND
Trái phiếu niêm yết	70.543.703.940	70.925.708.673	382.004.733	(181.991.820)	563.996.553
Cổ phiếu niêm yết	528.488.210.612	497.914.289.200	(30.573.921.412)	7.480.924.738	(38.054.846.150)
Chứng chỉ tiền gửi	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Tổng cộng	614.031.914.552	583.839.997.873	(30.191.916.679)	7.298.932.918	(37.490.849.597)

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí giao dịch mua trái phiếu niêm yết	8.350.300	-
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	670.492.365	267.033.386
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	181.596.424	110.406.947
Tổng cộng	860.439.089	377.440.333

8. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	62.806.452	78.000.000
Chi hoạt động Ban Đại diện Quỹ	23.845.000	7.960.000
Tổng cộng	86.651.452	85.960.000

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phí ngân hàng	16.568.513	20.233.466
Phí quản lý thường niên	4.958.904	4.958.909
Phí khác	473.000	473.000
Tổng cộng	22.000.417	25.665.375

10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	11.707.245.320	7.077.639.127
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	11.707.245.320	7.077.639.127
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 3 tháng trở xuống bằng VND (*)	95.000.000.000	142.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng bằng VND (**)	15.000.000.000	-
Tổng cộng	121.707.245.320	149.077.639.127

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,4%/năm.

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, chứng chỉ tiền gửi bao gồm các khoản chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng với lãi suất từ 9,0%/năm.

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06G-QM

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Giá mua	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tăng	Chênh lệch đánh giá lại giảm	Chênh lệch đánh giá lại
VND	VND	VND	VND	VND
528,488,210,612	497,914,289,200	17,131,708,592	47,705,630,004	(30,573,921,412)
70,543,703,940	70,925,708,673	382,004,733	-	382,004,733
15,000,000,000	15,000,000,000	-	-	-
614,031,914,552	583,839,997,873	17,513,713,325	47,705,630,004	(30,191,916,679)

Cổ phiếu niêm yết
Trái phiếu niêm yết
Chứng chỉ tiền gửi

Tổng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giá mua	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tăng	Chênh lệch đánh giá lại giảm	Chênh lệch đánh giá lại
VND	VND	VND	VND	VND
162,086,314,462	169,567,239,200	11,840,492,643	4,359,567,905	7,480,924,738
30,106,141,440	29,924,149,620	-	181,991,820	(181,991,820)
30,000,000,000	30,000,000,000	-	-	-
222,192,455,902	229,491,388,820	11,840,492,643	4,541,559,725	7,298,932,918

Cổ phiếu niêm yết
Trái phiếu niêm yết
Chứng chỉ tiền gửi

Tổng

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự thu cổ tức	760.625.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	401.490.411	355.804.872
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	1.710.937.500	296.875.000
Dự thu lãi trái phiếu	980.719.667	471.303.000
Tổng cộng	3.853.772.578	1.123.982.872

13. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền phải trả mua cổ phiếu niêm yết đã khớp lệnh thành công	155.082.275	1.495.840.400
Tổng cộng	155.082.275	1.495.840.400

14. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối	398.211	-
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ, trong đó:	1.715.983.980	-
- Phải trả phí phát hành chứng chỉ Quỹ	1.486.650.780	-
- Phải trả phí mua lại chứng chỉ Quỹ	229.333.200	-
Tổng cộng	1.716.382.191	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả phí kiểm toán	98.638.356	55.000.000
Chi phí phải trả khác	4.958.904	-
Tổng cộng	103.597.260	55.000.000

16. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả phí quản lý	876.219.199	438.104.638
Phải trả phí lưu ký	29.207.306	17.524.186
Phải trả phí giám sát	22.489.625	16.500.000
Phải trả phí quản trị	28.915.234	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	26.400.000	-
Phải trả phí giao dịch	3.240.000	2.970.000
Tổng cộng	986.471.364	491.598.824

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06G-QM

17. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				Giá trị tài sản ròng hiện hành /1			
	Giá trị tài sản ròng bình quân		Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ		Giá trị theo mệnh giá		Thặng dư vốn			Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ	Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	Giá trị vốn góp hiện hành
	Số lượng	Chứng chỉ	VND	VND	Số lượng	Chứng chỉ	VND	VND				
Tại ngày 25/04/2014	5.442.360,00	10.000	54.423.600.000	-	54.423.600.000	-	-	-	-	-	-	-
Phát sinh trong năm 2014	2.181.212,80	11.032	21.812.128.000	2.250.812.000	24.062.940.000	(1.118.900,00)	11.078	(11.189.000.000)	(12.06.297.100)	(12.395.297.100)		
Tại ngày 31/12/2014	7.623.572,80	10.295	76.235.728.000	2.250.812.000	78.486.540.000	(1.118.900,00)	11.078	(11.189.000.000)	(12.06.297.100)	(12.395.297.100)	6.504.672,80	66.091.242.900
Phát sinh trong năm 2015	6.228.582,19	10.607	62.285.821.900	3.779.969.467	66.065.791.367	(7.693.742,82)	10.839	(76.937.428.200)	(6.453.364.961)	(83.390.793.161)		11.234
Tại ngày 31/12/2015	13.852.154,99	10.435	138.521.549.900	6.030.781.467	144.552.331.367	(8.812.642,82)	10.869	(88.126.428.200)	(7.659.662.061)	(95.786.090.261)	5.039.512,17	48.766.241.106
Phát sinh trong năm 2016	8.614.094,14	11.551	86.140.941.400	13.359.008.600	99.499.950.000	(5.966.420,71)	11.799	(59.664.207.100)	(10.734.067.812)	(70.398.274.912)		10.951
Tại ngày 31/12/2016	22.466.249,13	10.863	224.662.491.300	19.389.790.067	244.052.281.367	(14.779.063,53)	11.245	(147.790.635.300)	(18.393.729.873)	(166.184.365.173)	7.687.185,60	77.867.916.194
Phát sinh trong năm 2016	41.742.402,19	13.231	417.424.021.900	134.855.466.134	552.279.488.034	(23.012.623,89)	13.389	(230.126.238.900)	(78.000.154.315)	(308.126.393.215)		12.387
Tại ngày 31/12/2017	64.208.651,32	12.402	642.086.513.200	154.245.256.201	796.331.769.401	(37.791.687,42)	12.551	(377.916.874.200)	(96.393.884.188)	(474.310.758.388)	26.416.963,90	322.021.011,013
Phát sinh trong kỳ	34.702.355,95	14.447	347.023.559.500	154.325.605.556	501.349.165.056	(13.343.507,24)	14.411	(133.435.072.400)	(58.863.597.725)	(192.298.670.125)		14.296
Tại ngày cuối kỳ	98.911.007,27	13.120	989.110.072.700	308.570.861.757	1.297.680.934.457	(51.135.194,66)	13.036	(511.351.946.600)	(155.257.481.913)	(666.609.428.513)	47.775.812,61	631.071.505.944
												14.322

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 54.423.600.000 VND, tương ứng với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 10,000 đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ.

18. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Lợi nhuận đã thực hiện	Lợi nhuận chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016	18.144.443.566	(792.372.073)	17.352.071.493
Phát sinh trong năm	30.186.184.098	8.091.304.991	38.277.489.089
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	48.330.627.664	7.298.932.918	55.629.560.582
Phát sinh trong kỳ này	35.013.311.674	(37.490.849.597)	(2.477.537.923)
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	83.343.939.338	(30.191.916.679)	53.152.022.659

20. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng	47.775.812,61	26.416.963,90
	47.775.812,61	26.416.963,90

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty quản lý quỹ
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng giám sát
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty quản lý quỹ
Công ty Cổ phần chứng khoán MB	Liên quan của Công ty quản lý quỹ/ Đại lý phân phối
Ban Đại diện Quỹ	Có ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Phí quản lý	4.596.855.311	1.680.550.137
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)		
Phí ngân hàng lưu ký	161.874.014	81.102.969
Phí lưu ký thu hộ Trung tâm lưu ký chứng khoán	20.606.764	9.506.979
Phí giám sát	121.891.360	99.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	151.850.105	99.000.000
Phí dịch vụ chứng khoán	18.900.000	20.790.000
Phí chuyển tiền, phí khác	15.613.701	19.224.700
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Thu nhập lãi tiền gửi	137.621.916	663.472.186
Công ty Cổ phần chứng khoán MB		
Phí môi giới chứng khoán	62.408.442	69.286.794
Ban Đại diện Quỹ		
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (*)	62.806.452	78.000.000

(*) Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 62.806.452 VND. Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Phí quản lý	876.219.199	438.104.638
Phí phát hành chứng chỉ quỹ	1.486.650.780	-
Phí mua lại chứng chỉ quỹ	229.333.200	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)		
Tiền gửi thanh toán	11.707.245.320	7.077.639.127
Phí lưu ký phải trả	29.207.306	17.524.186
Phí giám sát phải trả	22.489.625	16.500.000
Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	28.915.234	16.500.000
Phí giao dịch chứng khoán phải trả	3.240.000	2.970.000

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chứng khoán không niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và trái phiếu niêm yết của Quỹ là 568.839.997.873 VND. Nếu giá của các khoản đầu tư này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (56.883.999.787) VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các khoản đầu tư này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 56.883.999.787 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện Quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Dưới 03 tháng	Tổng
	VND	VND
Tại ngày cuối kỳ		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	155.082.275	155.082.275
Phải trả các Đại lý phân phối, Công ty Quản lý quỹ về phí phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ	1.716.382.191	1.716.382.191
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	51.053.967	51.053.967
Chi phí phải trả	103.597.260	103.597.260
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	22.164.900.111	22.164.900.111
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	986.471.364	986.471.364
Tổng cộng	25.177.487.168	25.177.487.168
Tại ngày đầu kỳ		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.495.840.400	1.495.840.400
Chi phí phải trả	55.000.000	55.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	491.598.824	491.598.824
Tổng cộng	2.042.439.224	2.042.439.224

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

23. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198 và Thông tư số 183 và Thông tư số 15.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:**

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:**

- (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.

- **Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:**

- (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ**, bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

QUY ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06G-QM

Bảng dưới đây trình bày giá gốc và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Quý:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	121.707.245.320	121.707.245.320	149.077.639.127	149.077.639.127
Các khoản đầu tư	614.031.914.552	583.839.997.873	222.192.455.902	229.491.388.820
- Cổ phiếu niêm yết	528.488.210.612	497.914.289.200	162.086.314.462	169.567.239.200
- Trái phiếu niêm yết	70.543.703.940	70.925.708.673	30.106.141.440	29.924.149.620
- Chứng chỉ tiền gửi	15.000.000.000	15.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Các tài sản khác	3.853.772.578	3.853.772.578	1.123.982.872	1.123.982.872
- Cổ tức được nhận	760.625.000	760.625.000	-	-
- Lãi trái phiếu được nhận	980.719.667	980.719.667	471.303.000	471.303.000
- Lãi tiền gửi và chứng chỉ quỹ được nhận	2.112.427.911	2.112.427.911	652.679.872	652.679.872
Tổng cộng	739.592.932.450	709.401.015.771	372.394.077.901	379.693.010.819
Công nợ tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	155.082.275	155.082.275	1.495.840.400	1.495.840.400
Phải trả các Đại lý phân phối, Công ty Quản lý quỹ về phí phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ	1.716.382.191	1.716.382.191	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	51.053.967	51.053.967	-	-
Chi phí phải trả	103.597.260	103.597.260	55.000.000	55.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	22.164.900.111	22.164.900.111	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	986.471.364	986.471.364	491.598.824	491.598.824
Tổng cộng	25.177.487.168	25.177.487.168	2.042.439.224	2.042.439.224

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng (nếu có) của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.

24. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
I.	Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động đầu tư		
1.	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,47%	1,50%
2.	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,10%	0,19%
3.	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,07%	0,14%
4.	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán(nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,01%	0,02%
5.	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,02%	0,07%
6.	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,97%	2,29%
7.	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	49,13%	54,91%

STT CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
II. Các chỉ số thị trường		
1. Quy mô quỹ đầu kỳ		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	264.169.639.000	76.871.856.000
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	26.416.963,90	7.687.185,60
2. Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	34.702.355,95	23.481.692,19
Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	347.023.559.500	234.816.921.900
Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(13.343.507,24)	(6.301.071,33)
Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(133.435.072.400)	(63.010.713.300)
3. Quy mô quỹ cuối kỳ		
Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	477.758.126.100	248.678.064.600
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	47.775.812,61	24.867.806,46
4. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0,07%	2,23%
5. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	22,80%	37,24%
6. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,04%	0,01%
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	926	537
8. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	14.322	13.260

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập



Bà Nguyễn Kim Khánh
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018